



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Địa điểm lấy mẫu : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Địa chỉ lấy mẫu : Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai
- Ngày lấy mẫu : 05/12/2025
- Thời gian thử nghiệm : 06/12/2025 - 12/12/2025
- Ngày trả kết quả : 22/12/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	251206.KK.008	Khuôn viên Tòa nhà Sonadezi phía đường 11 (X = 1206364; Y = 401240)	Không khí xung quanh
2	251206.KK.009	Khuôn viên Tòa nhà Sonadezi gần bồn nước sân sau của Tòa nhà (X = 1206340; Y = 401260)	Không khí xung quanh
3	251206.KK.010	Bên ngoài Tòa nhà Sonadezi phía Xa lộ Hà Nội (X = 1206326; Y = 401316)	Không khí xung quanh
4	251206.KK.011	Khu vực tầng 19 – hành lang (X = 1206380; Y = 401255)	Không khí lao động
5	251206.KK.012	Khu vực tầng 2 (X = 1206368; Y = 401257)	Không khí lao động
6	251206.KK.013	Khu vực tầng 8 (X = 1206373; Y = 401254)	Không khí lao động
7	251206.NT.010	Hồ ga đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Biên Hòa 1 (X = 1206387; Y = 401209)	Nước thải

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.008)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018.	68,9	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	185	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	47	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	68	350
5	Carbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.006	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- QCVN 26:2010/BTNMT : Cơ sở đã đi vào vận hành trước ngày thông tư Số: 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn cho đến hết ngày 31/12/2026.

- 251206.KK.008: Khuôn viên Tòa nhà Sonadezi phía đường 11 (X = 1206364; Y = 401240)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiêu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.009)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018.	56,2	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	202	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	53	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	57	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.164	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- QCVN 26:2010/BTNMT : Cơ sở đã đi vào vận hành trước ngày thông tư Số: 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn cho đến hết ngày 31/12/2026.

- 251206.KK.009: Khuôn viên Tòa nhà Sonadezi gần bồn nước sân sau của Tòa nhà (X = 1206340; Y = 401260)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.010)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018.	60,7	70 ⁽¹⁾
2	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	212	300
3	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	64	200
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	79	350
5	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	2.893	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- QCVN 26:2010/BTNMT : Cơ sở đã đi vào vận hành trước ngày thông tư Số: 01/2025/TT-BNNMT có hiệu lực được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn cho đến hết ngày 31/12/2026.

- 251206.KK.010: Bên ngoài Tòa nhà Sonadezi phía Xa lộ Hà Nội (X = 1206326; Y = 401316)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.011)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
					Làm việc 6 ngày	Tại nơi làm việc
1	Nhiệt độ ^(c)		TCVN 5508 : 2009	31,6	-	18 ÷ 32
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508 : 2009	76,7	-	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 9799 : 2013	41,7	-	85 ⁽¹⁾
5	Ánh sáng ^(c)	lux	TCVN 5176 : 1990	903	-	≥ 300 ⁽²⁾
6	Cacbon monoxit (CO) ^(c)	mg/m ³	QT-PTKCO-29.	2,99	15,63	-
7	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009.	0,073	3,91	-
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995.	0,073	3,91	-
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995.	0,41	6,25 ⁽³⁾	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
 - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
 - (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
 - (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
 - (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- 251206.KK.011: Khu vực tầng 19 – hành lang (X = 1206380; Y = 401255)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.012)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 6 ngày	Tại nơi làm việc
1	Nhiệt độ ^(c)	TCVN 5508 : 2009	30,3	-	18 ÷ 32
2	Độ ẩm ^(c)	TCVN 5508 : 2009	75,1	-	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s TCVN 5508 : 2009	0,5	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn ^(c)	dBA TCVN 9799 : 2013	43,9	-	85 ⁽¹⁾
5	Ánh sáng ^(c)	lux TCVN 5176 : 1990	586	-	≥ 300 ⁽²⁾
6	Cacbon monoxit (CO) ^(c)	mg/m ³ QT-PTKCO-29.	3,16	15,63	-
7	Nito đioxit (NO ₂) ^(c)	mg/m ³ TCVN 6137:2009.	0,066	3,91	-
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c)	mg/m ³ TCVN 5971:1995.	0,075	3,91	-
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	mg/m ³ TCVN 5067:1995.	0,41	6,25 ⁽³⁾	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;
 - QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
 - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
 - (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
 - (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
 - (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
 - 251206.KK.012: Khu vực tầng 2 (X = 1206368; Y = 401257)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.KK.013)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
					Làm việc 6 ngày	Tại nơi làm việc
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508 : 2009	29,9	-	18 ÷ 32
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508 : 2009	75,2	-	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 9799 : 2013	43,7	-	85 ⁽¹⁾
5	Ánh sáng ^(c)	lux	TCVN 5176 : 1990	371	-	≥ 300 ⁽²⁾
6	Carbon monoxit (CO) ^(c)	mg/m ³	QT-PTKCO-29.	3,13	15,63	-
7	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009.	0,072	3,91	-
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995.	0,085	3,91	-
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995.	0,44	6,25 ⁽³⁾	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
 - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
 - (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
 - (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
 - (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- 251206.KK.013: Khu vực tầng 8 (X = 1206373; Y = 401254)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



Số phiếu: 05993/2025/PKQ-THH (25.6377)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251206.NT.010)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	7,29
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	143
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	331
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	51
5	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,4
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	14,7
7	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	37,8
8	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	1,22
9	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4,3 x 10 ³

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- 251206.NT.010: Hồ ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Biên Hòa 1 (X = 1206387; Y = 401209)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

